PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN PHƯỜNG HẢI HOÀ VÙNG HH01 VÀ HH03- TỶ LỆ 1/500

02 MẪU GIÀN BÈ NUÔI HÀU

MÔ HÌNH NTTS KIỂU MẪU CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ NHU CẦU TRÊN ĐỊA BÀN TP MÓNG CÁI

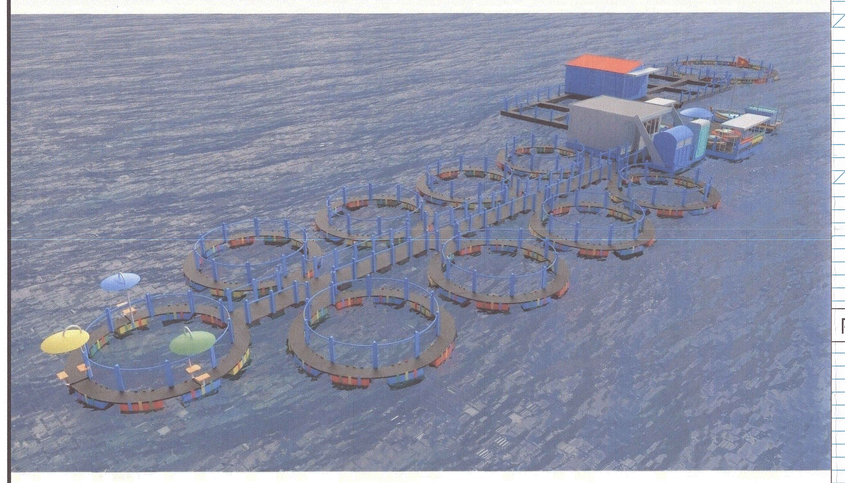

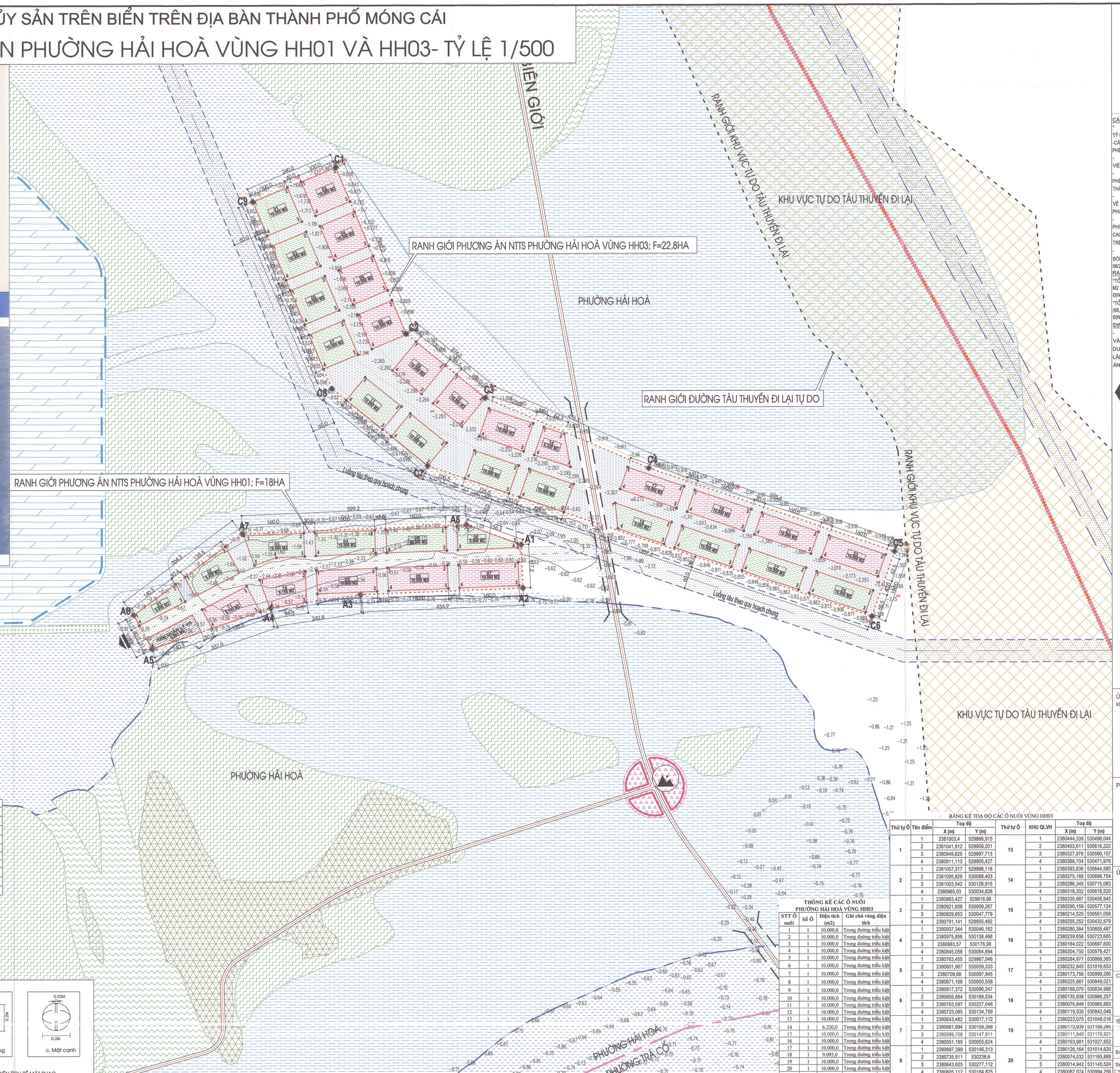

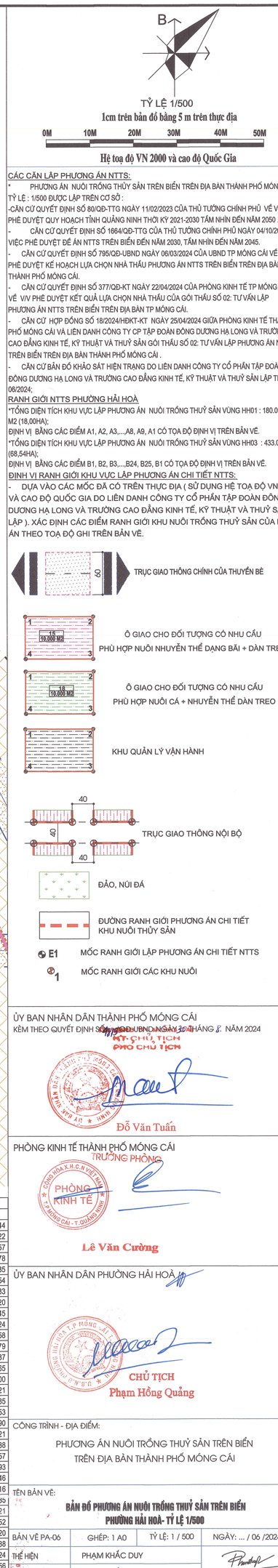

CÁC CĂN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS:

* PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI TỶ LỆ : 1/500 ĐƯỢC LẬP TRÊN CƠ SỞ :

-CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/QĐ-TTG NGÀY 11/02/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NINH THỜI KỲ 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .

- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1664/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGÀY 04/10/2021 VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN NTTS TRÊN BIỂN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 795/QĐ-UBND NGÀY 06/03/2024 CỦA UBND TP MÓNG CÁI VỀ VIV PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 377/QĐ-KT NGÀY 22/04/2024 CỦA PHÒNG KINH TẾ TP MÓNG CÁI VỀ VIV PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TP MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ HỢP ĐỒNG SỐ 18/2024/HĐKT-KT NGÀY 25/04/2024 GIỮA PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI VÀ LIÊN DANH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ BẢN ĐỒ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN LẬP THÁNG 06/2024;

RANH GIỚI NTTS PHƯỜNG HẢI HOÀ

*TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÙNG HH01 : 180.003,00 M2 (18,00HA);

ĐỊNH VỊ BẰNG CÁC ĐIỂM A1, A2, A3,...,A8, A9, A1 CÓ TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ TRÊN BẢN VẼ.

*TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÙNG HH03 : 433.011 M2 (88,54HA);

ĐỊNH VỊ BẰNG CÁC ĐIỂM B1, B2, B3,...,B24, B25, B1 CÓ TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ TRÊN BẢN VẼ.

ĐỊNH VỊ RANH GIỚI KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT NTTS:

- DỰA VÀO CÁC MỐC ĐÃ CÓ TRÊN THỰC ĐỊA (SỬ DỤNG HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000 VÀ CAO ĐỘ QUỐC GIA DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN LẬP). XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM RANH GIỚI KHU NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN CỦA DỰ ÁN THEO TOẠ ĐỘ GHI TRÊN BẢN VẼ.

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI VÙNG HH01

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
1	1	2379887,194	529647,183
	2	2379971,797	529659,418
	3	2379923,865	529684,685
	4	2379859,17	529561,956
2	1	2379990,091	529683,687
	2	2380072,416	529792,899
	3	2380000,807	529830,647
	4	2379937,854	529711,223
3	1	2380101,602	529841,847
	2	2380108,000	530001,719
	3	2380045,55	530004,219
	4	2380042,533	529928,827
	5	2380021,622	529870,134
4	1	2380109,2	530031,695
	2	2380115,597	530191,567
	3	2380053,147	530194,067
	4	2380046,75	530034,195
5	1	2380116,797	530221,543
	2	2380123,195	530381,415
	3	2380060,745	530383,915
	4	2380054,347	530224,043
6	1	2380124,395	530411,391
	2	2380125,9	530449,022
	3	2380080,174	530573,289
	4	2380068,342	530573,763
	5	2380061,945	530413,891
7	1	2380021,977	530415,49
	2	2380028,374	530575,362
	3	2379965,924	530577,861
	4	2379959,527	530417,989
8	1	2380014,379	530225,642
	2	2380020,777	530385,514
	3	2379958,327	530388,013
	4	2379951,929	530228,141
9	1	2380006,782	530035,794
	2	2380013,179	530195,666
	3	2379950,729	530198,165
	4	2379944,332	530038,293
10	1	2379982,580	529883,941
	2	2380005,582	530005,818
	3	2379921,302	530009,191
	4	2379905,719	529911,125
11	1	2379902,470	529729,876
	2	2379965,422	529849,299
	3	2379896,397	529885,665
	4	2379851,668	529756,655
KHU QLVH	1	2379823,785	529680,608
	2	2379888,48	529703,337
	3	2379841,728	529727,982
	4	2379795,761	529595,381

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, CHIA KHU VỰC BIỂN PHỤC VỤ NTTS TẠI PHƯỜNG HẢI HÒA-KHU VỰC HH01

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	**Tổng diện tích luồng lạch, lưu không**	m^2	**73.536**	**40,85**
1.1	Diện tích luồng lạch giao thông chính	m^2	42.248,0	23,47
1.2	Diện tích luồng lạch phụ, lưu không nội bộ	m^2	31.288,0	17,38
II	**Tổng diện tích các ô nuôi**	m^2	**100.604**	**55,89**
2.1	Tổng số ô nuôi	ô	11	-
a	*Số ô nuôi (phù hợp nuôi cá + nhuyễn thể dạng dàn treo)*	*ô*	*6*	-
b	*Số ô nuôi(phù hợp nuôi nhuyễn thể dạng dàn treo, bãi)*	*ô*	*5*	-
2.2	Diện tích trung bình 1 ô nuôi	m^2	9.145,82	-
III	**Diện tích khu quản lý vận hành**	m^2	**5.863**	**3,26**
	Tổng diện tích (I+II+III)	m^2	**180.003**	**100**

THỐNG KÊ CÁC Ô NUÔI PHƯỜNG HẢI HOÀ VÙNG HH01

STT Ô nuôi	Số Ô	Diện tích (m2)	Ghi chú vùng diện tích
1	1	5.956,0	Trong đường triều kiệt
2	1	9.450,0	Trong đường triều kiệt
3	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
4	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
5	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
6	1	6.900,0	Trong đường triều kiệt
7	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
8	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
9	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
10	1	9.155,0	Trong đường triều kiệt
11	1	9.143,0	Trong đường triều kiệt
Tổng	11	**100.604,0**	Trong đường triều kiệt

15.4

44,25

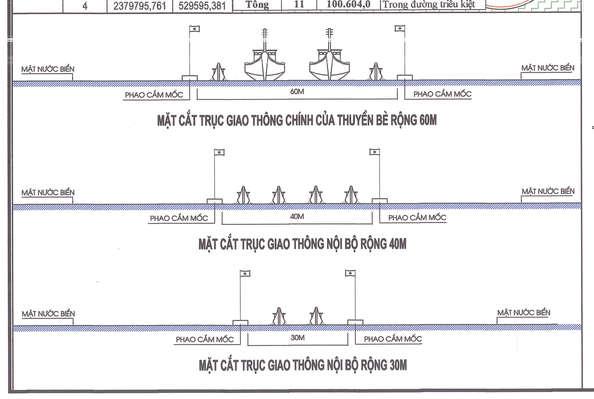

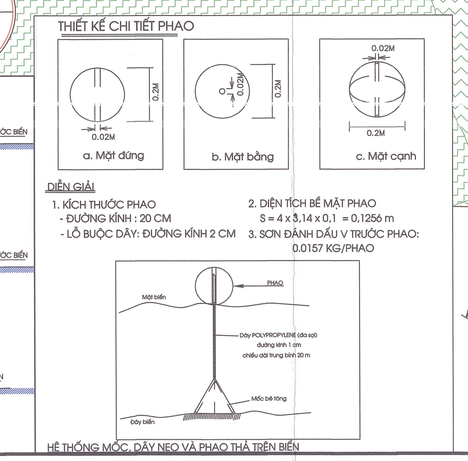

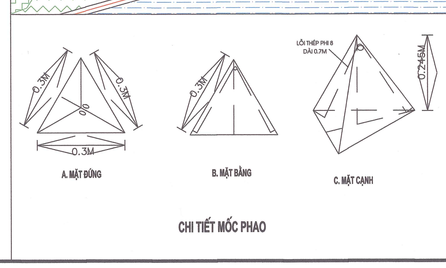

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÙNG HH01

điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
A1	2380076.436	530583.447	
A2	2379959.330	530588.133	117,20
A3	2379941.940	530153.581	434,90
A4	2379906.144	529913.804	242,43
A5	2379795.760	529595.381	337,01
A6	2379887.194	529547.183	103,36
A7	2380106.454	529838.054	364,25
A8	2380130.414	530436.756	599,18
A1	2380076.436	530583.447	156,31

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÙNG HH03

điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
C1	2381095.829	530088.403	
C2	2380646.162	530276.053	487,25
C3	2380472.664	530488.409	274,22
C4	2380282.363	530925.075	476,33
C5	2380055.736	531582.671	695,55
C6	2379879.886	531522.068	186,00
C7	2380289.641	530333.095	1257,60
C8	2380498.306	530077.695	329,80
C9	2381003.400	529866.915	547,31
C1	2381095.829	530088.403	240,00

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI VÙNG HH03

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)	Thứ tự Ô	KHU QLVH	Toạ độ X(m)	Toạ độ Y (m)
1	1	2381003,4	529866,915	13	1	2380444,339	530498,044
	2	2381041,912	529959,201		2	2380403,611	530616,222
	3	2380949,625	529997,713		3	2380327,976	530590,157
	4	2380911,113	529905,427		4	2380368,704	530471,978
2	1	2381057,317	529996,116	14	1	2380393,836	530644,585
	2	2381095,829	530088,403		2	2380375,168	530698,754
	3	2381003,542	530126,915		3	2380286,345	530715,083
	4	2380965,03	530034,628		4	2380318,202	530618,520
3	1	2380583,427	529916,98	15	1	2380330,887	530458,945
	2	2380921,939	530009,267		2	2380290,159	530577,124
	3	2380829,653	530047,779		3	2380214,525	530551,058
	4	2380791,141	529955,492		4	2380255,252	530432,879
4	1	2380937,344	530046,182	16	1	2380280,384	530605,487
	2	2380975,856	530138,468		2	2380239,656	530723,665
	3	2380883,57	530176,98		3	2380164,022	530697,600
	4	2380845,058	530084,694		4	2380204,750	530579,421
5	1	2380763,455	529967,046	17	1	2380284,977	530868,385
	2	2380801,967	530059,333		2	2380232,845	531019,653
	3	2380709,68	530097,845		3	2380172,756	530999,290
	4	2380671,168	530005,558		4	2380225,887	530848,021
6	1	2380817,372	530096,247	18	1	2380188,070	530834,988
	2	2380855,884	530188,534		2	2380135,938	530986,257
	3	2380763,597	530227,046		3	2380076,849	530965,893
	4	2380725,085	530134,759		4	2380119,530	530842,046
7	1	2380643,482	530017,112	19	1	2380223,070	531048,016
	2	2380681,994	530109,398		2	2380171,939	531199,289
	3	2380589,708	530147,911		3	2380111,849	531178,921
	4	2380551,195	530055,624		4	2380163,961	531027,652
8	1	2380697,399	530146,313	20	1	2380126,164	531014,620
	2	2380735,911	530238,6		2	2380074,032	531165,888
	3	2380643,625	530277,112		3	2380014,942	531145,524
	4	2380605,112	530184,825		4	2380067,074	530994,256
9	1	2380824,181	530302,958	21	1	2380161,184	531227,648
	2	2380560,911	530380,398		2	2380109,032	531378,917
	3	2380483,471	530317,128		3	2380049,943	531358,553
	4	2380546,741	530239,688		4	2380102,074	531207,284
10	1	2380535,934	530410,969	22	1	2380064,257	531194,251
	2	2380472,664	530488,409		2	2380012,125	531345,520
	3	2380395,224	530425,140		3	2379953,036	531325,156
	4	2380458,494	530347,700		4	2380005,168	531173,887
11	1	2380528,748	530166,878	23	1	2380099,257	531407,280
	2	2380449,661	530263,678		2	2380047,126	531558,549
	3	2380387,709	530213,063		3	2379988,036	531538,185
	4	2380466,796	530116,263		4	2380040,168	531386,916
12	1	2380430,680	530286,910	24	1	2380002,351	531373,883
	2	2380351,593	530383,710		2	2379950,219	531525,152
	3	2380289,641	530333,095		3	2379891,130	531504,788
	4	2380368,728	530236,295		4	2379943,261	531353,519

THỐNG KÊ CÁC Ô NUÔI PHƯỜNG HẢI HOÀ VÙNG HH03

STT Ô nuôi	Số Ô	Diện tích (m2)	Ghi chú vùng diện tích
1	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
2	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
3	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
4	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
5	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
6	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
7	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
8	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
9	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
10	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
11	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
12	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
13	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
14	1	6.320,0	Trong đường triều kiệt
15	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
16	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
17	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
18	1	9.093,0	Trong đường triều kiệt
19	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
20	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
21	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
22	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
23	1	7.905,0	Trong đường triều kiệt
24	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
Tổng	24	**233.318,0**	

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, CHIA KHU VỰC BIỂN PHỤC VỤ NTTS TẠI PHƯỜNG HẢI HÒA-KHU VỰC HH03

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	**Tổng diện tích luồng lạch, lưu không**	m^2	**199.693**	**46,12**
1.1	Diện tích luồng lạch giao thông chính	m^2	-	-
1.2	Diện tích luồng lạch phụ, lưu không nội bộ	m^2	191.497	44,22
1.3	Diện tích cầu giao thông theo quy hoạch	m^2	8.196	1,89
II	**Tổng diện tích các ô nuôi**	m^2	**233.318**	**53,88**
2.1	Tổng số ô nuôi	ô	24	-
a	*Số ô nuôi (phù hợp nuôi cá + nhuyễn thể dạng dàn treo)*	*ô*	*12*	-
b	*Số ô nuôi(phù hợp nuôi nhuyễn thể dạng dàn treo, bãi)*	*ô*	*12*	-
2.2	Diện tích trung bình 1 ô nuôi	m^2	9.721,58	-
	Tổng diện tích (I+II+III)		**433.011**	**100**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ [illegible] NGÀY [illegible] THÁNG [illegible] NĂM 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Tuấn

PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TRƯỞNG PHÒNG

Lê Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI HOÀ

CHỦ TỊCH
Phạm Hồng Quảng

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN TRÊN BIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN TRÊN BIỂN PHƯỜNG HẢI HOÀ- TỶ LỆ 1/500

BẢN VẼ PA-06	GHÉP: 1 A0	TỶ LỆ: 1 / 500	NGÀY: ... / 06 /2024
THỂ HIỆN	PHẠM KHẮC DUY		
THIẾT KẾ	PHẠM KHẮC DUY		
CHỦ TRÌ	NGUYỄN VĂN HỢP		
KIỂM TRA	NGUYỄN QUANG DIỆU		

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HỢP

PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN PHƯỜNG HẢI HOÀ VÙNG HH02 - TỶ LỆ 1/500

02 MẪU GIÀN BÈ NUÔI HÀU

MÔ HÌNH NTTS KIỂU MẪU CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ NHU CẦU TRÊN ĐỊA BÀN TP MÓNG CÁI

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, CHIA KHU VỰC BIỂN PHỤC VỤ NTTS TẠI PHƯỜNG HẢI HÒA-KHU VỰC

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	**Tổng diện tích luồng lạch, lưu không**	m^2	**222.110**	**41,13**
1.1	Diện tích luồng lạch giao thông chính	m^2	-	-
1.2	Diện tích luồng lạch phụ, lưu không nội bộ	m^2	212.938	39,43
1.3	Diện tích cầu giao thông theo quy hoạch	m^2	9.172	1,70
II	**Tổng diện tích các ô nuôi**	m^2	**317.905**	**58,87**
2.1	Tổng số ô nuôi	ô	32	-
a	*Số ô nuôi(phù hợp nuôi nhuyễn thể dạng dàn treo)*	*ô*	*20*	-
b	*Số ô nuôi (phù hợp nuôi nhuyễn thể dạng bãi, dàn treo)*	*ô*	*12*	-
2.2	Diện tích trung bình 1 ô nuôi	m^2	9.934,53	-
	Tổng diện tích (I+II+III)		**540.015**	**100**

THỐNG KÊ CÁC Ô NUÔI
PHƯỜNG HẢI HOÀ VÙNG HH02

STT Ô nuôi	Số Ô	Diện tích (m2)	Ghi chú vùng diện tích
1	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
2	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
3	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
4	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
5	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
6	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
7	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
8	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
9	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
10	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
11	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
12	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
13	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
14	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
15	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
16	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
17	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
18	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
19	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
20	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
21	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
22	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
23	1	7.905,0	Trong đường triều kiệt
24	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
25	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
26	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
27	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
28	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
29	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
30	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
31	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
32	1	10.000,0	Trong đường triều kiệt
Tổng	**32**	**317.905,0**	

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC Ô NUÔI VÙNG HH02

Thứ tự Ô	Tên điểm	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)	Thứ tự Ô	KHU QLVH	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)	Thứ tự Ô	KHU QLVH	Toạ độ X (m)	Toạ độ Y (m)
1	1	2377442,095	528990,583	14	1	2378333,620	530099,958	27	1	2379051,391	531533,764
	2	2377530,716	529123,798		2	2378396,507	530177,708		2	2379058,631	531658,554
	3	2377478,679	529158,415		3	2378318,757	530240,596		3	2378978,765	531663,188
	4	2377390,058	529025,201		4	2378255,869	530162,846		4	2378971,525	531538,398
2	1	2377547,333	529148,775	15	1	2378415,374	530201,034	28	1	2379161,206	531527,392
	2	2377635,955	529281,99		2	2378478,262	530278,784		2	2379168,446	531652,182
	3	2377583,917	529316,608		3	2378400,511	530341,672		3	2379088,581	531656,816
	4	2377495,296	529183,393		4	2378337,623	530263,921		4	2379081,340	531532,026
3	1	2377652,571	529306,968	16	1	2378497,128	530302,109	29	1	2379271,021	531521,321
	2	2377741,193	529440,183		2	2378560,016	530379,859		2	2379278,262	531645,811
	3	2377689,156	529474,801		3	2378482,266	530442,747		3	2379198,396	531650,445
	4	2377600,534	529341,586		4	2378419,378	530364,997		4	2379191,156	531525,654
4	1	2377757,809	529465,161	17	1	2378578,882	530403,184	30	1	2379380,837	531514,549
	2	2377846,431	529598,376		2	2378641,770	530480,935		2	2379388,077	531639,439
	3	2377794,394	529632,993		3	2378564,020	530543,823		3	2379308,211	531644,073
	4	2377705,772	529499,779		4	2378501,132	530466,072		4	2379300,971	531519,283
5	1	2377365,08	529041,817	18	1	2378660,637	530504,260	31	1	2379490,652	531508,277
	2	2377453,701	529175,032		2	2378723,524	530582,010		2	2379497,892	531633,068
	3	2377401,664	529209,65		3	2378645,774	530644,898		3	2379418,027	531637,701
	4	2377313,043	529076,435		4	2378582,886	530567,148		4	2379410,786	531512,911
6	1	2377470,318	529200,01	19	1	2378746,522	530638,775	32	1	2379600,467	531501,906
	2	2377558,94	529333,225		2	2378787,344	530730,063		2	2379607,708	531626,696
	3	2377506,903	529367,843		3	2378696,056	530770,886		3	2379527,842	531631,330
	4	2377418,281	529234,628		4	2378655,234	530679,598		4	2379520,602	531506,540
7	1	2377575,556	529358,202	20	1	2378799,591	530757,450				
	2	2377664,178	529491,417		2	2378840,414	530848,738				
	3	2377612,141	529526,035		3	2378749,126	530889,560				
	4	2377523,519	529392,82		4	2378708,303	530798,272				
8	1	2377680,794	529516,395	21	1	2378852,661	530876,124				
	2	2377769,416	529649,61		2	2378893,483	530967,412				
	3	2377717,379	529684,228		3	2378802,195	531008,235				
	4	2377628,757	529551,013		4	2378761,373	530916,947				
9	1	2377844,264	529642,877	22	1	2378906,478	531019,252				
	2	2377923,649	529703,688		2	2378926,002	531117,328				
	3	2377862,838	529783,073		3	2378827,926	531136,852				
	4	2377763,453	529722,262		4	2378808,402	531038,776				
10	1	2377947,485	529721,932	23	1	2378930,582	531147,963				
	2	2378026,850	529782,743		2	2378941,195	531204,128				
	3	2377966,038	529862,128		3	2378854,064	531268,157				
	4	2377886,653	529801,316		4	2378833,776	531166,238				
11	1	2378050,665	529800,987	24	1	2379033,058	531347,801				
	2	2378130,050	529861,798		2	2379045,260	531409,099				
	3	2378069,238	529941,183		3	2378888,339	531440,336				
	4	2377989,853	529880,371		4	2378876,137	531379,039				
12	1	2378170,111	529897,807	25	1	2379051,117	531438,521				
	2	2378232,999	529975,558		2	2379063,319	531499,819				
	3	2378155,249	530038,445		3	2378906,398	531531,056				
	4	2378092,361	529960,695		4	2378894,196	531469,759				
13	1	2378251,865	529998,883	26	1	2379139,427	531475,254				
	2	2378314,753	530076,633		2	2379114,015	531294,406				
	3	2378237,003	530139,521		3	2379054,649	531302,600				
	4	2378174,115	530061,771		4	2379090,416	531482,278				

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI
PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÙNG HH02

điểm	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
B1	2379607.853	531629.192	
B2	2378928.680	531668.598	680.31
B3	2378797.631	531010.276	671.24
B4	2378652.511	530685.757	355.49
B5	2378547.563	530531.426	186.63
B6	2378380.636	530321.783	267.98
B7	2378110.254	529990.768	427.41
B8	2378034.360	529917.486	105.50
B9	2377834.389	529782.472	241.28
B10	2377716.867	529682.472	154.31
B11	2377480.048	529365.961	395.30
B12	2377407.892	529256.199	131.35
B13	2377318.754	529093.513	185.51
B14	2377308.552	529055.401	34.60
B15	2377441.891	528972.222	158.60
B16	2377309.807	529060.091	856.80
B17	2378165.823	529876.605	314.13
B18	2378726.781	530570.135	892.00
B19	2379000.243	531181.653	669.88
B20	2379114.015	531294.406	160.18
B21	2379146.521	531525.740	233.61
B22	2379600.322	531499.410	454.56
B1	2379607.853	531629.192	130.00

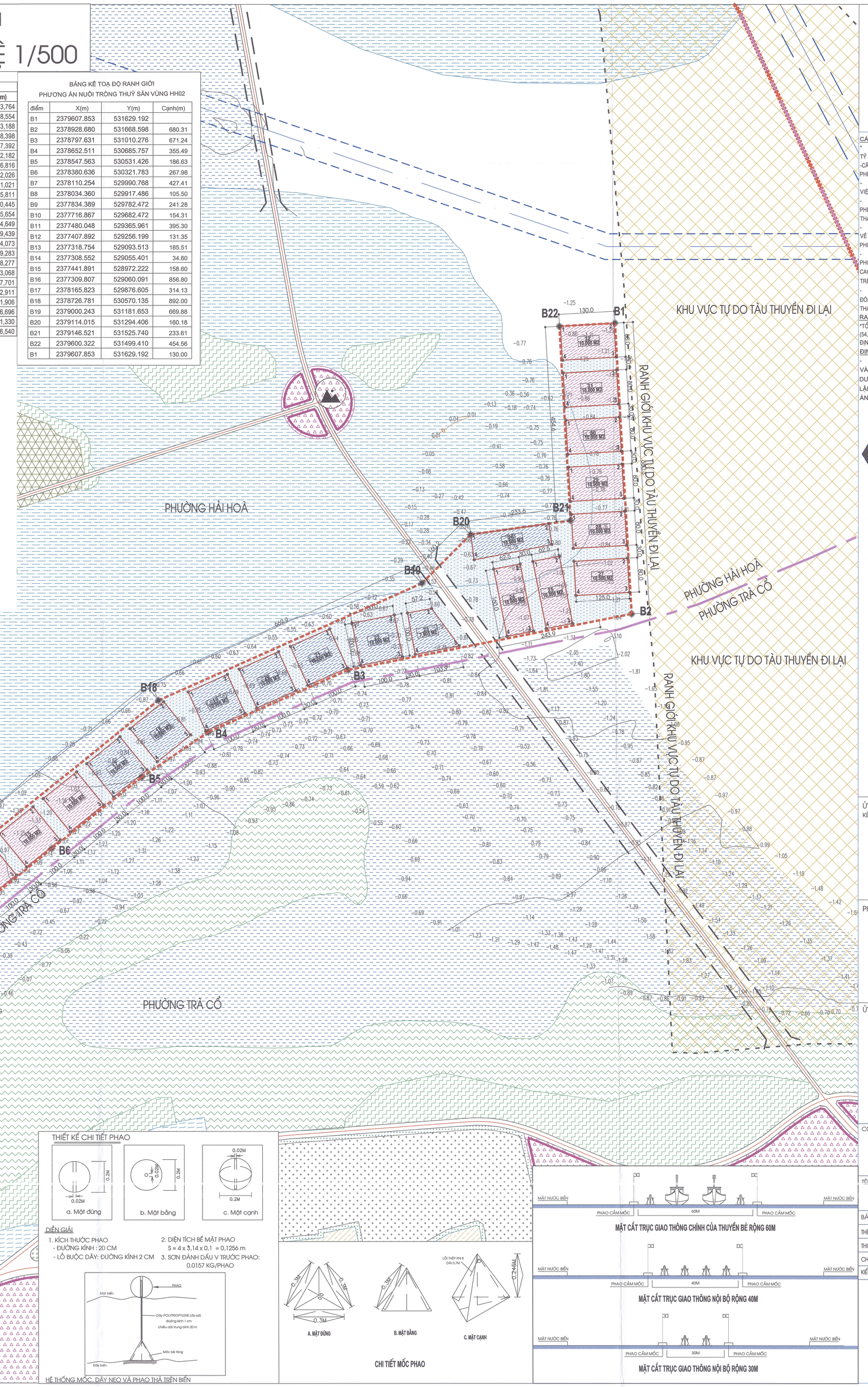

THIẾT KẾ CHI TIẾT PHAO

DIỄN GIẢI
1. KÍCH THƯỚC PHAO
- ĐƯỜNG KÍNH : 20 CM
- LỖ BUỘC DÂY: ĐƯỜNG KÍNH 2 CM
2. DIỆN TÍCH BỀ MẶT PHAO
S = 4 x 3,14 x 0,1 = 0,1256 m
3. SƠN ĐÁNH DẤU V TRƯỚC PHAO: 0.015? KG/PHAO

HỆ THỐNG MỐC, DÂY NEO VÀ PHAO THÁ TRIỀN BIỂN

CHI TIẾT MỐC PHAO

B

TỶ LỆ 1/500
1cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa
0M 10M 20M 30M 40M 50M

Hệ tọa độ VN 2000 và cao độ Quốc Gia

CÁC CĂN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS:
- PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI TỶ LỆ : 1/500 ĐƯỢC LẬP TRÊN CƠ SỞ :
-CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 80/QĐ-TTG NGÀY 11/02/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NINH THỜI KỲ 2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1664/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGÀY 04/10/2021 VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN NTTS TRÊN BIỂN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 795/QĐ-UBND NGÀY 06/03/2024 CỦA UBND TP MÓNG CÁI VỀ V/V PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 377/QĐ-KT NGÀY 22/04/2024 CỦA PHÒNG KINH TẾ TP MÓNG CÁI VỀ V/V PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TP MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ HỢP ĐỒNG SỐ 18/2024/HĐKT-KT NGÀY 25/04/2024 GIỮA PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI VÀ LIÊN DANH CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN GÓI THẦU SỐ 02: TƯ VẤN LẬP PHƯƠNG ÁN NTTS TRÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI.
- CĂN CỨ BẢN ĐỒ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN LẬP LẬP THÁNG 06/2024;

RANH GIỚI NTTS PHƯỜNG HẢI HOÀ
-TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN VÙNG HH02 : 540.015 M2 (54,00HA);
ĐỊNH VỊ BẰNG CÁC ĐIỂM B1, B2, B3,....B21, B22, B1 CÓ TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ TRÊN BẢN VẼ.

ĐỊNH VỊ RANH GIỚI KHU VỰC LẬP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT NTTS:
- DỰA VÀO CÁC MỐC ĐÃ CÓ TRÊN THỰC ĐỊA (SỬ DỤNG HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000 VÀ CAO ĐỘ QUỐC GIA DO LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HẠ LONG VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN LẬP). XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM RANH GIỚI KHU NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN CỦA DỰ ÁN THEO TOẠ ĐỘ GHI TRÊN BẢN VẼ.

TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH CỦA THUYỀN BÈ

Ô GIAO CHO ĐỐI TƯỢNG CÓ NHU CẦU PHÙ HỢP NUÔI NHUYỄN THỂ DẠNG DÀN TREO

Ô GIAO CHO ĐỐI TƯỢNG CÓ NHU CẦU PHÙ HỢP NUÔI NHUYỄN THỂ DẠNG BÃI + DÀN TREO

KHU QUẢN LÝ VẬN HÀNH

TRỤC GIAO THÔNG NỘI BỘ

ĐẢO, NÚI ĐÁ

ĐƯỜNG RANH GIỚI PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT KHU NUÔI THỦY SẢN

E1 MỐC RANH GIỚI LẬP PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT NTTS

1 MỐC RANH GIỚI CÁC KHU NUÔI

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 795/QĐ-UBND NGÀY 06 THÁNG 3 NĂM 2024
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Văn Tuấn

PHÒNG KINH TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TRƯỞNG PHÒNG
Lê Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phạm Hồng Quảng

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN TRÊN BIỂN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN TRÊN BIỂN PHƯỜNG HẢI HÒA- TỶ LỆ 1/500

BẢN VẼ PA-05B	GHÉP: 1 A0	TỶ LỆ: 1 / 500	NGÀY: .../ 06 /2024
THỂ HIỆN	PHẠM KHẮC DUY		
THIẾT KẾ	PHẠM KHẮC DUY		
CHỦ TRÌ	NGUYỄN VĂN HỢP		
KIỂM TRA	NGUYỄN QUANG DIỆU		

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG HA LONG
VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THUỶ SẢN
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN HỢP